

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện
Tam Đường tỉnh Lai Châu đến năm 2040

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 37/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01/2021/BXD Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2030;

Căn cứ Thông báo số 238-TB/VPTU ngày 09/5/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 09-10 tháng 5 năm 2023;

Xét đề nghị của UBND huyện Tam Đường tại Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 07/02/2023 và Báo cáo thẩm định số 675/BCTĐ-SXD ngày 31/5/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Tam Đường tỉnh Lai Châu đến năm 2040 với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu đến năm 2040.

2. Địa điểm thực hiện: Toàn bộ địa giới hành chính huyện Tam Đường.

3. Quy mô, phạm vi ranh giới lập quy hoạch

a) Phạm vi nghiên cứu: Gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Tam Đường, có xem xét mối liên hệ kết nối với các vùng có tác động và ảnh hưởng như huyện Tân Uyên, thành phố Lai Châu và thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai trong bối cảnh phát triển tổng thể chung của toàn tỉnh Lai Châu.

b) Phạm vi lập quy hoạch: Phạm vi lập quy hoạch vùng huyện Tam Đường đến năm 2040 bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Tam Đường với diện tích 663,15 km², dân số khoảng 57.250 người (số liệu năm 2021), mật độ dân số 86 người/km². Ranh giới cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu và huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai;

Phía Nam giáp huyện Sìn Hồ và huyện Tân Uyên;

Phía Đông giáp thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai;

Phía Tây giáp huyện Sìn Hồ và thành phố Lai Châu;

c) Giai đoạn lập quy hoạch: Các giai đoạn lập quy hoạch vùng huyện đến năm 2030 và 2040.

4. Quan điểm, mục tiêu của việc lập quy hoạch

4.1. Quan điểm quy hoạch

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu gắn với hướng phát triển trọng tâm đã xác định trong quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; là trung tâm du lịch trọng điểm của tỉnh Lai Châu và vùng Tây Bắc, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá truyền thống của các dân tộc; lấy bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá truyền thống của các dân tộc làm điều kiện cốt lõi để xây dựng môi trường du lịch bền vững, tạo ra các sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn nhằm nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh cho du lịch Lai Châu.

Là vùng phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, nông nghiệp công nghệ cao, trong đó các loại cây trồng chủ lực là mắc ca, chè, cây dược liệu; là vùng nuôi cá nước lạnh; là vùng kinh tế lâm nghiệp; sản xuất tiểu thủ công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng;

Đảm bảo sự phát triển đồng bộ, hài hòa giữa các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện Tam Đường; phù hợp với khả năng cân đối, huy động về nguồn lực triển khai thực hiện ở các giai đoạn quy hoạch.

Quy hoạch vùng huyện gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng an ninh.

4.2. Mục tiêu quy hoạch

- Mục tiêu chung

+ Phát triển nhanh, bền vững, dựa trên các trụ cột về du lịch. Hình thành các quần thể du lịch sinh thái nghỉ dưỡng nhằm bảo tồn các khu ruộng bậc thang, bảo tồn khu vực làng, bản, cộng đồng dân cư phát huy lợi thế về văn hoá, cảnh quan cũng như điều kiện tự nhiên đồng thời kết nối với các khu vực trung tâm chính trị- kinh tế và du lịch trong khu vực.

+ Xác định vùng nông nghiệp sản xuất hàng hóa giá trị cao và kinh tế nông thôn; đẩy mạnh kết nối với thị xã Sa Pa, thành phố Lai Châu và các khu,

điểm du lịch của tỉnh; phát triển hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật khu vực nông thôn; hình thành các khu chế biến nông, lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng.

+ Xác định phương án định hướng không gian cho các nhu cầu xuất hiện trong tương lai; hình thành danh mục các dự án, thứ tự ưu tiên cũng như các giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch theo các kịch bản phát triển.

+ Xây dựng phương hướng phát triển các ngành có lợi thế của huyện trên các lĩnh vực du lịch, dịch vụ, thương mại, nông nghiệp.

+ Định hướng xây dựng, tổ chức không gian các điểm dân cư nông thôn.

+ Quy hoạch vùng huyện tập trung vào việc phân bố không gian có tính chiến lược các hoạt động kinh tế - xã hội ở cấp huyện, vùng liên huyện, đặc biệt là không gian cho hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu, những khu vực có vai trò động lực phát triển của huyện; tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch vùng với quy hoạch tỉnh nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của huyện để phát triển nhanh và bền vững.

+ Xác định các phương án phát triển vùng huyện, đáp ứng cao nhất nhu cầu giao thương, hợp tác, thu hút đầu tư phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa; đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực quan trọng; đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo duy trì và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống; Tổ chức không gian vùng huyện để thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội, môi trường trên địa bàn huyện.

+ Cụ thể hóa Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

+ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tam Đường phù hợp với các tiêu chí theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Xác định mục tiêu phát triển, tốc độ đô thị hóa, tính chất, tiềm năng và động lực phát triển vùng huyện;

+ Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển

+ Định hướng phát triển không gian vùng huyện: Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng; Xác định các phân vùng kiểm soát quản lý phát triển;

+ Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: Nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng khác;

+ Xác định, tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn toàn huyện;

+ Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội;

+ Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan vùng;

+ Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng.

5. Tính chất, chức năng, vai trò của vùng

- Là trung tâm du lịch trọng điểm của tỉnh Lai Châu và vùng Tây Bắc; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh theo hướng công nghệ cao; sản xuất tiểu thủ công nghiệp; phát triển thương mại, dịch vụ.

- Là một trong những đầu mối giao thông thúc đẩy giao lưu thương mại, dịch vụ trong tỉnh và liên kết các khu vực trong vùng Tây Bắc.

- Là huyện nông thôn mới của tỉnh, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và nâng cao phù hợp với quá trình đô thị hóa.

6. Đánh giá chung về hiện trạng khu vực lập quy hoạch

Huyện Tam Đường nằm trên trục đường Quốc lộ 4D và một phần QL32. Là huyện cửa ngõ Đông Bắc của tỉnh, giáp với các điểm du lịch của khu vực (Sa Pa - Lào Cai, Mù Cang Chải - Yên Bái); hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối phát triển, đa dạng tiềm năng về cảnh quan thiên nhiên, con người, văn hóa... có điều kiện quan trọng để huyện khai thác, phát triển du lịch sinh thái - văn hóa.

Theo dự thảo Quy hoạch tỉnh Lai Châu, huyện Tam Đường là hạt nhân phát triển của vùng phát triển kinh tế động lực gắn với phát triển đô thị và công nghiệp, là một trong các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh và nằm trên chuỗi đô thị biên giới vùng Tây Bắc sẽ được tập trung phát triển đô thị, công nghiệp đa ngành, thương mại, dịch vụ, du lịch, cây công nghiệp, trồng rừng, công nghiệp chế biến nông - lâm sản.

Huyện Tam Đường còn nằm trong vùng giàu tài nguyên rừng và đất cho trồng cây công nghiệp, nằm trong vùng có nhiều tiềm năng về nông, lâm sản, hình thành các vùng sản xuất tập trung. Đó là những động lực quan trọng để Tam Đường phát triển bền vững và toàn diện trong tương lai không xa, là một trong các cực tăng trưởng kinh tế xã hội của tỉnh Lai Châu.

7. Cơ sở và phương pháp xác định động lực phát triển vùng; các dự báo phát triển

7.1. Xác định các tiền đề, động lực phát triển kinh tế - xã hội huyện

- Xác định vị thế và vai trò trong mối quan hệ liên vùng: Vị thế và vai trò của huyện Tam Đường trong tổng thể tỉnh Lai Châu và mối quan hệ với các địa phương lân cận.

- Xác định tầm nhìn phát triển vùng: Phát triển vùng huyện đến năm 2040 đảm bảo các yêu cầu:

+ Xây dựng Tam Đường trở thành một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh Lai Châu.

+ Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, giúp người dân bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái, bảo tồn và phát huy những nét văn hoá độc đáo của địa phương. Huyện Tam Đường có nhiều tiềm năng về cảnh quan thiên nhiên, giá trị lịch sử, văn hóa bản địa của các dân tộc, tập tục và lối sống, văn hóa ẩm thực phong phú của các dân tộc là cơ sở để phát triển mạnh loại hình du lịch cộng đồng.

+ Phát huy tiềm năng thế mạnh của địa phương, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển với tốc độ nhanh và bền vững. Thu hút và đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, coi trọng việc bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Phát triển kinh tế nhiều thành phần, đa dạng hóa các loại hình sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra nội lực vững mạnh và môi trường thuận lợi, để thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư và công nghệ mới từ bên ngoài.

+ Xây dựng khu vực nông thôn của huyện toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc.

+ Phát huy yếu tố nguồn lực con người, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo nghề, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho lao động nông thôn.

+ Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Các tiền đề phát triển vùng huyện Tam Đường: Tam Đường là huyện có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch. Một trong hai chương trình trọng điểm mà Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Tam Đường nhiệm kỳ 2020-2025 xác định đó là “*Phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc*”. Đề xuất các tiền đề phát triển vùng huyện

Tam Đường trên cơ sở xem xét các phương án chiến lược về phát triển kinh tế-xã hội của huyện và của tỉnh, với chủ trương phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, gắn với phát huy, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. nội dung dự báo nhằm xác lập tiền đề phát triển vùng, gồm:

+ Dự báo về các động lực kinh tế chủ đạo của quy hoạch và các phân vùng theo tính chất.

+ Dự báo quy mô dân số, lao động, cơ cấu lao động và xu hướng dịch chuyển cơ cấu dân cư và lao động, tỉ lệ tăng trưởng cơ học và nguồn dịch cư trong ngoài huyện.

7.2. Dự báo quy mô dân số

Tổng hợp dự báo dân số huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu đến năm 2040

TT	Dân số huyện Tam Đường	Hiện trạng	Dự báo các giai đoạn	
		2021	2030	2040
I	Tổng dân số (I+II)	57.250	72.000	96.000
1	Dân số đô thị	7.556	16.000	32.000
	- Tỷ lệ tăng dân số đô thị, %/năm	1,10	8,55	5,05
	+Tỷ lệ tăng tự nhiên, %/năm	1,10	1,05	1,05
	+Tỷ lệ tăng cơ học, %/năm	0,00	3,7	4,00
	- Tỷ lệ đô thị hóa, %	13,20	22	33
2	Dân số nông thôn	49.694	56.000	64.000
	- Tỷ lệ tăng dân số nông thôn, %/năm	1,43	1,40	1,25
	+Tỷ lệ tăng tự nhiên, %/năm	1,43	1,30	1,15
	+Tỷ lệ tăng cơ học, %/năm	0,00	0,10	0,10

7.3. Dự báo nhu cầu sử dụng đất

Lựa chọn các chỉ tiêu về sử dụng đất theo từng giai đoạn cho khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu vực đặc thù trên cơ sở tính toán, xác định cụ thể theo luận cứ và tham khảo, cập nhật số liệu của các quy hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Dự báo nhu cầu đất xây dựng đô thị, nông thôn, công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp... theo các giai đoạn lập quy hoạch.

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trên địa bàn huyện được dự báo dựa trên cơ sở số dân và mật độ dân số, hiện trạng sử dụng đất của huyện, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch, chỉ tiêu sử dụng đất do tỉnh phân bổ và nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện, điều kiện cơ sở hạ tầng, địa hình, địa chất, thủy văn....

Dự báo đất xây dựng toàn huyện đến năm 2030, 2040 và nghiên cứu, bổ sung dự báo nhu cầu sử dụng đất theo thời hạn lập quy hoạch.

7.4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chính

Xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án như chỉ tiêu về cơ cấu kinh tế - về xã hội, về môi trường, về hạ tầng kỹ thuật... đảm bảo phù hợp với các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, có cân đối cho phù hợp với tình hình thực tiễn, yêu cầu phát triển của khu vực.

Dự báo các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chính

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Đến năm 2040
1	Dân số toàn huyện	1000 người	70-75	90-100
	Tăng TB/năm trong giai đoạn, trong đó:	%	4,98	3,15
	- Tăng tự nhiên:	%	1,3	1,15
	- Tăng cơ học	%	3,80	4,1
2	Tỷ lệ đô thị hoá	%	22	33
3	Đất dân dụng tại các đô thị	m²/người	70 - 100	50 - 80
4	Đất ở trung bình tại các đô thị	m²/người	45 - 55	28 - 45
5	Chỉ tiêu cấp điện			
5.1	Cấp điện sinh hoạt			
	- Các đô thị	W/người	200	330
	- Các điểm dân cư nông thôn	W/người	≥150	≥150
5.2	Tiểu thủ công nghiệp	kw/ha	50 - 250	50 - 250
5.3	Công cộng-Dịch vụ			
	- Các đô thị	(tính bằng %)	30	30

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Đến năm 2040
		phụ tải điện SH của ĐT)		
	- Các điểm dân cư nông thôn	(tính bằng % phụ tải điện SH của xã)	15	15
6	Chỉ tiêu cấp nước			
6.1	Sinh hoạt (Qsh)	lít/người/ngày		
	- Các đô thị		100	120
	- Các điểm dân cư nông thôn		60	80
6.2	Công nghiệp	m ³ /ha. ngđ	≥20	≥20
6.3	Công cộng	%Qsh	10	10
7	Thu gom nước thải			
7.1	Thu gom nước thải sinh hoạt			
	- Đô thị	%Qsh	90	95
	- Nông thôn	%Qsh	80	80
7.2	Thu gom nước thải công nghiệp	%Qcn	100	100
8	Cây xanh đô thị	m²/người		
	- Đô thị loại IV	m ² /người	≥5	≥5
9	Đất giao thông đô thị			
	- Tính đến đường liên khu vực	% đất xây dựng	6	6

8. Yêu cầu mức độ điều tra khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu

8.1. Đánh giá thực trạng phát triển vùng huyện

- Điều tra, thu thập dữ liệu, đánh giá về điều kiện tự nhiên: Thu thập các tài liệu điều tra và đánh giá về điều kiện tự nhiên, trong đó trọng tâm là hệ thống sông, suối, hồ, các tai biến địa chất như động đất, sạt lở, lũ quét các hiện tượng tự nhiên đặc thù như giông, sương muối, mưa đá và các diễn biến thiên tai và tai biến môi trường khác ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân, sản xuất cũng

như phát triển kinh tế - xã hội của huyện; tiềm năng về đất đai và khả năng sử dụng cho xây dựng, các vùng tự nhiên có giá trị...

Đánh giá các vùng tự nhiên có tiềm năng phát triển nông nghiệp chất lượng cao, kinh tế công nghiệp, dịch vụ, tiềm năng phát triển du lịch. Đánh giá khái quát về môi trường tự nhiên.

- Điều tra, thu thập dữ liệu, đánh giá về điều kiện hiện trạng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực.

Thu thập tài liệu thống kê toàn huyện và thống kê theo các địa bàn hành chính các xã (ít nhất trong 3 năm gần nhất) về phát triển kinh tế; về công nghiệp; về nông nghiệp; về dịch vụ thương mại; về phát triển dân cư và phát triển đô thị; đánh giá thực trạng phân bố các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn huyện; đánh giá về thực trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật; đánh giá thực trạng các nguồn lực để thực hiện các chương trình, dự án phát triển kết cấu hạ tầng của huyện để có cơ sở dự báo khả năng huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

- Điều tra, thu thập các dự báo, định hướng ngành, các quy hoạch và dự án xây dựng.

8.2. Đánh giá hiện trạng phát triển của huyện theo các nhóm tiêu chí huyện nông thôn mới

Tiêu chí 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; nhóm tiêu chí về quy hoạch; nhóm tiêu chí về giao thông; nhóm tiêu chí về thủy lợi; nhóm tiêu chí về điện; nhóm tiêu chí về y tế - văn hóa - giáo dục; nhóm tiêu chí về sản xuất; nhóm tiêu chí về môi trường; nhóm tiêu chí về an ninh, trật tự xã hội, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới.

9. Yêu cầu về nội dung chính của quy hoạch

9.1. Định hướng phát triển kinh tế

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế của tỉnh, xây dựng các phương án phát triển kinh tế phân bố theo từng khu vực (Nông nghiệp, thương mại - dịch vụ - du lịch, Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp). Nghiên cứu, cập nhật, đề xuất phương án khả thi về cơ cấu, ngành nghề, khả năng phát triển kinh tế của huyện.

- Xây dựng phương án phát triển không gian kinh tế theo các mô hình:

Mô hình 1: Đa cực tập trung với thị trấn Tam Đường (Trung tâm huyện lỵ) và vùng phụ cận đóng vai trò là cực động lực chủ đạo; khu vực thị tứ hình thành mới đóng vai trò là cực động lực hỗ trợ

Mô hình 2: Phát triển đồng đều trên cơ sở thúc đẩy các trục hành lang kinh tế - đô thị phát triển gắn với các trung tâm đô thị - thị tứ trên địa bàn toàn huyện.

- Phân tích và đánh giá ưu nhược điểm của các mô hình theo các yếu tố:
 - + Khả năng phát huy tiềm năng và vị thế của huyện.
 - + Khả năng liên kết không gian kinh tế của huyện trong tỉnh và vùng phụ cận.
 - + Khả năng huy động và khai thác hiệu quả, bền vững các tiềm năng về tài nguyên, nguồn nhân lực, nguồn vốn,... của huyện trong phát triển kinh tế - xã hội.

9.2. Đề xuất phân vùng phát triển

Nhằm mục tiêu tạo lập không gian kinh tế xanh, phát triển bền vững, bảo tồn và phát huy các giá trị thiên nhiên, hiệu quả trong khai thác các tiềm năng thế mạnh của khu vực, phân vùng huyện Tam Đường thành 2 đến 3 tiểu vùng phát triển cân đối với hệ thống đô thị.

- Tổ chức mạng lưới trung tâm vùng, đô thị, nông thôn; đề xuất khu vực phát triển kinh tế; phân vùng quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch vùng lãnh thổ, hoặc phân khu theo các chức năng đặc thù. Định hướng chức năng các khu vực theo tính chất đô thị - nông thôn, công nghiệp nông nghiệp – nông nghiệp du lịch, đầu mối giao thông vùng, các lĩnh vực y tế, giáo dục, vùng bảo tồn cảnh quan, vùng nông nghiệp...

- Đề xuất vùng cảnh quan tự nhiên kết hợp với hệ thống không gian mở lớn cần khoanh vùng kiểm soát; đề xuất các ranh giới kiểm soát phát triển các đô thị và khu dân cư nông thôn, ranh giới các vùng, khu vực khuyến khích phát triển, hạn chế phát triển và cấm phát triển...

- Xác định mô hình phát triển không gian đô thị và nông thôn, gồm: động lực phát triển, cấu trúc, khung phát triển các hệ thống trung tâm, các khu vực dân cư nông thôn, vùng chức năng trên địa bàn huyện. Xác định khung cấu trúc hạ tầng kỹ thuật và các công trình kỹ thuật đầu mối.

- Phân vùng môi trường để gắn kết với mô hình cấu trúc không gian cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

9.3. Định hướng phát triển không gian vùng

- Cập nhật, đề xuất các định hướng phát triển không gian vùng huyện gắn kết với các vùng lân cận, phù hợp với định hướng phát triển không gian của tỉnh. Tổ chức hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật kết nối với các vùng huyện và các đô thị lân cận.

- Tổ chức không gian phát triển các điểm đô thị và dân cư nông thôn gồm động lực phát triển, cấu trúc, khung phát triển các hệ thống trung tâm, các khu vực dân cư, đáp ứng yêu cầu về nâng cao điều kiện sống của dân cư trong vùng.

- Xác định vị trí và định hướng tổ chức không gian các khu trung tâm, xác định các vùng kiến trúc cảnh quan có tầm quan trọng cần tổ chức khai thác; đề xuất tổ chức không gian các khu trung tâm và hệ thống các tuyến - điểm khai thác du lịch để có các giải pháp quy hoạch và kiến trúc phù hợp, đề xuất quy chế quản lý, kiểm soát phát triển.

- Đề xuất các giải pháp tôn tạo hệ thống cảnh quan tự nhiên kết hợp với hệ thống công trình kiến trúc và cảnh quan nhân tạo;

- Đề xuất các quy định về kiểm soát phát triển không gian cho các khu vực đô thị, nông thôn, các khu vực kiểm soát phát triển và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật. Đề xuất các quy định quản lý về kiến trúc cảnh quan.

- Định hướng xây dựng huyện nông thôn mới;

- Nghiên cứu đánh giá sự phù hợp của quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã với không gian quy hoạch xây dựng vùng huyện và gắn kết phát triển đô thị.

9.4. Định hướng phát triển nông nghiệp

- Hình thành các phân vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng thuận lợi cho việc áp dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất, mạng lưới hạ tầng phục vụ sản xuất đáp ứng được cơ giới hóa trong nông nghiệp.

- Quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung phù hợp với các tiêu vùng theo hướng nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với phát triển du lịch; phát triển các vùng sản xuất sản phẩm nông nghiệp đặc hữu (vùng dược liệu, sâm, chanh leo...).

- Hình thành trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện.

- Quy hoạch phát triển các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn.

9.5. Định hướng phát triển tiểu thủ công nghiệp

Phát triển mới các khu vực phục vụ sản xuất nông nghiệp, ngành nghề nông thôn và vật liệu xây dựng.

9.6. Định hướng triển du lịch

Định hướng phát triển du lịch theo hướng phát triển du lịch cộng đồng, du lịch mạo hiểm gắn với xây dựng phát triển nông thôn và các dự án thuê môi trường rừng để phát triển du lịch. Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá truyền thống của các dân tộc; xây dựng môi trường du lịch bền vững, phát triển các

cum, điểm, mạng lưới du lịch trên địa bàn huyện gắn kết với mạng lưới du lịch của tỉnh và vùng Tây Bắc.

9.7. Định hướng phát triển thương mại – dịch vụ:

Trong giai đoạn 2023 - 2040, từng bước xã hội hóa việc cung cấp các dịch vụ công cho sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Tại các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn huyện hình thành mạng lưới chợ trung tâm huyện, một số loại hình tổ chức phân phối như siêu thị nhỏ, trung tâm thương mại quy mô nhỏ và vừa (chủ yếu là hạng III), cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng tiện lợi. Phát triển các loại hình tổ chức thương mại đặc thù tại các vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung hoặc vùng ven đô thị. Hình thành các điểm giao dịch hàng hóa nông sản phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; Phát triển mạng lưới dịch vụ sản xuất nông nghiệp;

9.8. Định hướng phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn

- Phát triển hệ thống đô thị, phân loại đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc, mô hình phát triển, chức năng và quy mô các đô thị:

+ Phát triển trung tâm hành chính tổng hợp (trung tâm chính): Đến năm 2030, phát triển đô thị Tam Đường theo tiêu chuẩn đô thị loại IV.

+ Phát triển trung tâm chuyên ngành (trung tâm phụ): Trung tâm các khu vực có hướng định hình đô thị mới - Đô thị loại V giai đoạn sau 2040.

- Phát triển các điểm dân cư nông thôn: Xác định các điểm dân cư có tiềm năng phát triển tại các xã để tập trung đầu tư, xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu bố trí dân cư mới phát triển hàng năm.

9.9. Định hướng quy hoạch sử dụng đất

Xác định cơ cấu sử dụng đất cho các giai đoạn đến năm 2030 và 2040 trên địa bàn huyện phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

9.10. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

Tổ chức không gian hệ thống hạ tầng xã hội: Định hướng mạng lưới về giáo dục, y tế, thương mại (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) trong bối cảnh mới gắn kết với các khu vực đô thị trên địa bàn huyện, trong đó: Định hướng phát triển mạng lưới thương mại dịch vụ huyện; định hướng các khu sản xuất nông nghiệp; quy hoạch khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp, khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; định hướng phát triển mạng lưới công trình y tế, giáo dục, văn hóa - TDTT trên địa bàn huyện theo phân cấp các đô thị và các điểm dân cư nông thôn đảm bảo đúng quy chuẩn hiện hành; định hướng phát triển hệ thống công trình cơ quan, công sở; định hướng phát triển mạng lưới hạ tầng du lịch trên địa bàn

huyện; định hướng phát triển công trình cây xanh, thể dục thể thao; định hướng phát triển mạng lưới các công trình hạ tầng xã hội khác....

9.11. Các quy hoạch cần lập theo các giai đoạn phát triển

Xác định các quy hoạch chung đô thị; quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng; quy hoạch chung xây dựng xã cần lập theo các giai đoạn phát triển.

9.12. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông

+ Trên cơ sở nghiên cứu hiện trạng mạng lưới giao thông, nghiên cứu các dự án giao thông quốc gia tác động đến các đô thị trong huyện. Phân tích nhu cầu sử dụng giao thông, khả năng kết nối giao thông giữa các tuyến đường quốc gia, đường tỉnh với huyện Tam Đường, từ đó đưa ra mô hình phát triển mạng lưới giao thông cho toàn huyện.

+ Tiếp tục hoàn thiện các tuyến đường tránh qua nội thị các đô thị của huyện. Nâng cấp, cải tạo và mở rộng các tuyến đường hiện có đảm bảo kết nối với tuyến giao thông đối ngoại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của khu vực và tuân thủ theo quy hoạch phát triển giao thông toàn tỉnh.

+ Đề xuất mô hình giao thông khu vực phù hợp với cấu trúc huyện. Tổ chức, kết nối giao thông giữa khu vực thị trấn với các điểm dân cư nông thôn trong huyện, các trung tâm chuyên ngành và các vùng lân cận.

+ Phân loại, phân cấp các tuyến giao thông đô thị - nông thôn; xác định vị trí quy mô, số lượng các công trình giao thông như bến xe, bãi đỗ xe, cầu cống đường bộ... Thiết kế mặt cắt ngang các loại đường cải tạo, xây dựng mới; xác định hệ thống chỉ tiêu kinh tế về quỹ đất giao thông và các chỉ tiêu kỹ thuật về tuyến đường áp dụng.

+ Tổng hợp khối lượng xây dựng và khái toán kinh phí đầu tư.

- Chuẩn bị kỹ thuật

+ Đánh giá, xác định các loại đất thuộc phạm vi nghiên cứu theo điều kiện tự nhiên và phân loại thuận lợi, ít thuận lợi hay không thuận lợi cho xây dựng. Từ đó xác định cao độ xây dựng không chế cho từng khu vực và cao độ các tuyến giao thông đối ngoại và các trục đường chính theo các tiêu chí đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.

+ Đề xuất các yêu cầu khai thác quỹ đất xây dựng trên cơ sở bảo vệ và tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên, đáp ứng được các điều kiện kỹ thuật, đảm bảo an toàn, giữ được bản sắc địa hình vùng, từ đó xác định khu vực, khối lượng

cần tôn nền và hạ nền. Đề xuất các giải pháp thiết kế san nền cho khu vực phát triển đô thị - nông thôn.

+ Xác định các lưu vực thoát nước mặt chính ra sông, hồ và hệ thống công thoát nước mặt chính. Đề xuất các giải pháp phòng tránh các tai biến thiên nhiên, các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát lũ, phát triển hệ thống thủy lợi đầu mối cung cấp nước cho nông nghiệp và đặc biệt là đáp ứng yêu cầu phân lũ, thoát lũ trong vùng.

+ Nêu các yêu cầu về giải pháp chuẩn bị kỹ thuật khác... Yêu cầu giải pháp kỹ thuật cho các khu vực giáp ranh giữa phát triển mới và hiện trạng tránh tình trạng ngập úng tại các khu vực xây dựng hiện hữu.

+ Lập khái toán kinh phí đầu tư và khối lượng xây dựng.

- Cấp nước

+ Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước cho khu vực các đô thị huyện Tam Đường và các xã dân cư nông thôn. Đánh giá trữ lượng và chất lượng nguồn nước mặt và nước ngầm trong địa bàn huyện Tam Đường (hoặc rộng hơn là vùng tỉnh Lai Châu).

+ Lựa chọn nguồn nước sử dụng cho các giai đoạn phát triển khu vực đô thị - nông thôn trên phạm vi huyện Tam Đường, trong đó ưu tiên chiến lược cấp nước sạch theo hướng khai thác sử dụng nguồn nước mặt.

+ Xác định quy mô các công trình đầu mối cấp nước; xác định vị trí công trình đầu mối, công suất khai thác; mạng lưới đường ống cấp nước... Tính toán cải tạo mở rộng quy mô công suất nhà máy nước hiện có hay xây mới để đáp ứng nhu cầu cấp nước cho huyện Tam Đường trong các giai đoạn phát triển. Thiết kế bổ sung mạng lưới cấp nước cho các đô thị huyện Tam Đường, các khu đô thị mới và các xã dân cư nông thôn.

+ Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phạm vi bảo vệ nguồn nước và nhà máy xử lý.

+ Lập khái toán kinh phí đầu tư và khối lượng xây dựng.

- Cấp điện, năng lượng, thông tin liên lạc

+ Xác định chỉ tiêu cấp điện đối với các loại phụ tải khu vực các đô thị huyện Tam Đường, các khu vực phát triển mới và các điểm dân cư nông thôn.

+ Dự báo nhu cầu sử dụng điện trên cơ sở số liệu kinh tế huyện Tam Đường, từ đó từ đó đưa ra các giải pháp về nguồn điện, mạng lưới cấp điện phù hợp với sự phát triển của khu vực.

+ Cân đối nhu cầu tiêu thụ điện với khả năng cung cấp nguồn các giai đoạn quy hoạch. Đề xuất các giải pháp, dự kiến các công trình đầu mối cấp điện,

tổ chức mạng lưới đường dây và các trạm biến áp cho từng giai đoạn quy hoạch khu vực đô thị - nông thôn trên phạm vi huyện Tam Đường.

+ Sơ bộ xác định khối lượng xây dựng, khái toán đầu tư hệ thống cấp điện.

- Thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

+ Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng nước thải, chất thải rắn và nhu cầu đất nghĩa trang cho khu vực các đô thị huyện Tam Đường mở rộng trong tương lai và các điểm dân cư nông thôn.

+ Thiết kế mạng lưới thoát nước thải sinh hoạt. Xác định vị trí, quy mô công suất trạm xử lý nước thải. Định hướng về công tác thoát nước thải, các yêu cầu vệ sinh đối với các loại nước thải sau khi xử lý.

+ Đề xuất giải pháp tổ chức thu gom và quản lý CTR. Xem xét vị trí các điểm trung chuyển CTR hiện có và đề xuất vị trí các điểm trung chuyển CTR mới. Đề xuất vị trí, quy mô, công suất công trình đầu mối xử lý chất thải rắn theo quy hoạch cấp vùng.

+ Đề xuất các giải pháp xây dựng nghĩa trang.

+ Lập khái toán kinh phí đầu tư và khối lượng xây dựng.

9.13. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường vùng

- Dự báo, đánh giá các diễn biến môi trường, các tác động tích cực, tiêu cực đối với môi trường của phương án quy hoạch đối với các khu vực phát triển (đô thị, nông thôn, các khu vực bảo tồn,...) và vùng lân cận. Đề xuất giải pháp phát huy các mặt tích cực và hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường các khu vực trên toàn huyện.

- Đề xuất biện pháp quản lý, giám sát môi trường.

- Kết luận, kiến nghị về môi trường để đảm bảo phát triển bền vững.

9.14. Các chương trình, dự án ưu tiên và nguồn lực thực hiện

- Các mục tiêu, quan điểm xác định lĩnh vực ưu tiên đầu tư

+ Đẩy mạnh các động lực phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn, phát triển các kết cấu hạ tầng để phát triển công nghiệp tăng khả năng thu hút đầu tư.

+ Phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và nhà ở.

+ Bảo vệ môi trường tự nhiên, hạn chế các tác động xấu của phát triển công nghiệp và dân cư.

+ Bảo vệ và phát huy giá trị văn hoá truyền thống, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện.

- Các chương trình đầu tư

+ Trên cơ sở của đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện và dự báo khả năng đầu tư của các nhà đầu tư, xác định các chương trình dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đầu.

+ Xác định các hạng mục ưu tiên đầu tư cho huyện Tam Đường với sự ưu tiên các dự án mang ý nghĩa tạo động lực phát triển du lịch, phát triển đô thị dịch vụ hậu cần, phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái, phát triển đầu môi HTKT cấp vùng.

+ Xác định các khu vực trọng tâm đầu tư, các công trình trọng điểm cần đầu tư: các khu trung tâm động lực, các hạng mục công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế ưu tiên đầu tư. Hình thành các chương trình, cụ thể hoá các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên về giao thông, cao độ nền và thoát nước mặt, cấp nước, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước thải, quản lý CTR, nghĩa trang.

- Tổng hợp kinh phí đầu tư, nguồn lực thực hiện, đề xuất nguồn lực thực hiện.

+ Trên cơ sở danh mục và lộ trình cho các chương trình phát triển của huyện Tam Đường (khu vực đô thị, nông thôn, các trung tâm chuyên ngành như du lịch, thương mại, nông lâm nghiệp, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, ... từ đó xác định nhu cầu kinh phí cho các dự án trọng điểm phát triển toàn khu vực cho các chương trình theo từng giai đoạn phát triển.

+ Khái toán kinh phí đầu tư xây dựng đợt đầu hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn huyện.

+ Đề xuất nguồn lực thực hiện.

9.15. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch vùng huyện

Nội dung theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ và có các sơ đồ kèm theo.

10. Thành phần hồ sơ

Hồ sơ của đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện tuân thủ theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2005 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn, cụ thể: Sản phẩm gồm 01 bộ hồ sơ màu và 06 bộ hồ sơ đen trắng.

Thành phần một bộ hồ sơ như sau:

TT	Danh mục	Tỷ lệ	Hồ sơ	
			A0	A3
I	Phần bản vẽ			
1	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng	1/100.000- 1/50.000	X	X
2	Bản đồ hiện trạng vùng			
2.1	Bản đồ hiện trạng điều kiện tự nhiên vùng	1/25.000	X	X
2.2	Bản đồ hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất	1/25.000	X	X
2.3	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội	1/25.000	X	X
2.4	Các bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật	1/25.000	X	X
3	Bản đồ phân vùng quản lý phát triển	1/25.000	X	X
4	Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng	1/25.000	X	X
5	Các bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật vùng	1/25.000	X	X
II	Phần thuyết minh			
	Thuyết minh tổng hợp và các văn bản pháp lý có liên quan; các bản đồ, sơ đồ có liên quan đính kèm thuyết minh tổng hợp.	A4		
	Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện	A4		
	Dự thảo tờ trình, quyết định phê duyệt	A4		
III	Đĩa CD-R ghi toàn bộ dữ liệu hồ sơ			

11. Kinh phí thực hiện:

- Kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện được tính theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Dự toán kinh phí thực hiện: 1.868.154.000 đồng.

- Nguồn vốn: Nguồn vốn sự nghiệp nông thôn mới và các nguồn vốn hợp pháp khác.

12. Tiến độ và tổ chức thực hiện

- Tiến độ thực hiện: Lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tam Đường, không quá 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

Thời gian trên không kể thời gian chủ đầu tư, các cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện:

- + Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.
- + Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu.
- + Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường.
- + Cơ quan lập đồ án quy hoạch: Lựa chọn theo quy định hiện hành.

Điều 2. UBND huyện Tam Đường có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung của nhiệm vụ quy hoạch được duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lai Châu; Chủ tịch UBND huyện Tam Đường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy; (b/c)
- TT HĐND tỉnh; (b/c)
- Lãnh đạo UBND tỉnh: U;
- V1, V5;
- Lưu: VT, Kt1, Kt2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng A Tính